

Bản án số: 31/2019/HS-PT
Ngày 21-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán:

Ông Bùi N Thạch;

Ông Lê Quân Vương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 04/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Vũ L. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 214/2018/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã B.

Họ và tên bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Vũ L, sinh năm 1991 tại tỉnh Kiên Giang; nơi thường trú: Ấp M, xã M1, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1972; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 09/7/2018 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị hại và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Vũ L và vợ là Đậu Thị Thanh T cùng tạm trú tại phòng số 11, nhà trọ T, đường X, khu phố Y, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Tháng 9 năm 2017, Nguyễn Vũ L quen biết qua mạng zalo với bà Phan Kim N. Tháng 4 năm 2018, N đến thị xã B, tỉnh Bình Dương tạm trú và tìm việc làm. Ngày

01/6/2018, N gặp L tại đường D, khu phố Z, phường M, thị xã B giao hồ sơ xin việc của N nhờ L xin việc giúp, L đồng ý.

Khoảng 09 giờ ngày 05/6/2018, bà T gọi điện thoại báo cho L biết việc bà T nhập viện và sắp sinh con. Lúc này, L không có tiền lo cho vợ sinh con nên nảy sinh ý định cướp tài sản của N. Khoảng 11 giờ cùng ngày, L sử dụng điện thoại di động nhắn tin hẹn N 15 giờ cùng ngày đến đường D chờ L đến công ty xin việc làm, N đồng ý. Sau đó, L lấy một dao có sẵn trong phòng trọ bỏ vào túi xách màu đen đeo ngang hông, rồi đi ra đường D đứng đợi N.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, N điều khiển xe mô tô đến gặp L. L điều khiển xe mô tô chở N đến đoạn đường liên thông giữa đường NA5 và đường NA4 thuộc khu phố A, phường M, thị xã B thì dừng xe lại. L quan sát xung quanh thấy không có người nên dựng xe và đi vòng ra phía sau lưng của N. L dùng tay phải lấy dao trong túi xách rồi kề dao vào cổ của N, tay trái nắm lấy cánh tay trái của N khống chế và yêu cầu N giao điện thoại, cung cấp mật khẩu. N lo sợ không dám chống cự và bước xuống xe lấy điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu trắng - hồng trong túi quần đưa cho L và nói mật khẩu điện thoại cho L. L cầm điện thoại, lấy dao ra khỏi cổ của N nhưng vẫn cầm trên tay và yêu cầu N lùi ra sau. N lùi ra sau khoảng 0,5 m thì L ngồi lên xe mô tô của N điều khiển đến cầu T thuộc khu phố B, phường T, thị xã B vứt bỏ túi xách bên trong có dao xuống sông.

Sau đó, L đi đến một tiệm cầm đồ (không rõ địa chỉ) gần khu vực ngã tư S thuộc phường T, thị xã B để cầm cố xe mô tô của N nhưng chủ tiệm không đồng ý vì L không có giấy tờ xe. L vào một quán cà phê (không rõ địa chỉ) gần ngã tư S uống nước và gọi điện thoại cho bạn là Phan Thị B hỏi có mua điện thoại không, B nói không mua vì có điện thoại sử dụng rồi, L nhờ B cầm giúp điện thoại Iphone 6 Plus để L có tiền về quê lo cho vợ sinh con nên B đồng ý cầm cố với giá 5.000.000 (năm triệu) đồng. Khoảng 19 giờ cùng ngày, L đến phòng trọ của B tại nhà trọ D thuộc khu phố N, phường T, thị xã B, B đưa cho L 5.000.000 (năm triệu) đồng rồi giữ điện thoại Iphone 6 Plus. Sau khi cầm cố điện thoại, L điều khiển xe mô tô biển số 86B6 – 312.X về phòng trọ của mình, mở cốp xe kiểm tra thấy bên trong có một số giấy tờ, 01 (một) mắt kính màu đen nên bỏ lại vào cốp xe rồi để xe mô tô tại phòng trọ. Sau đó, L lấy 1.000.000 (một triệu) đồng trả tiền nhà trọ, còn lại 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Ngày 06/6/2018, L về tỉnh Kiên Giang trả tiền viện phí cho vợ sinh con.

Ngày 13/6/2018, L kể lại việc L đã cướp tài sản cho mẹ là bà Nguyễn Thị N1 biết, bà N1 đưa cho L 5.000.000 (năm triệu) đồng và nói L đi chuộc tài sản trả lại cho N. Cùng ngày, L đi từ tỉnh Kiên Giang lên thị xã B gặp B giao 5.000.000 (năm triệu) đồng chuộc lại điện thoại Iphone 6 Plus, rồi về phòng trọ của L lấy xe mô tô biển số 86B6 – 312.X điều khiển đến phòng trọ của người anh họ là Nguyễn Thành N2, L nói với N2 xe mô tô và điện thoại là do L mượn của N trước đây, L bận lo cho vợ sinh con nên không đến trả được nên nhờ N2 giao trả cho N và đưa số điện thoại để N2 liên lạc với N. N2 liên lạc với N thì N kể sự việc L cướp tài sản của N. Sau đó, N2 đến Công an thị xã B giao nộp: 01

(một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu trắng – hồng; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Kim N; 01 (một) giấy giấy phép lái xe mang tên Phan Kim N; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 86B6 – 312.92; 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Janus, màu trắng bạc, biển số 86B6 – 312.92; 01 (một) mắt kính màu đen.

Ngày 9/7/2018, Nguyễn Vũ L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã B đầu thú và giao nộp 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia Lumia 510 màu đen.

Kết luận định giá tài sản ngày 18/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Janus màu trắng bạc, biển số 86B6 – 312.92 trị giá 27.900.000 (hai mươi bảy triệu chín trăm nghìn) đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus trị giá 6.400.000 (sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng; 01 (một) mắt kính màu đen trị giá 50.000 (năm mươi nghìn) đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 214/2018/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã B đã quyết định:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ L phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ L 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/7/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/12/2018, bị cáo Nguyễn Vũ L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, con của bị cáo bị bệnh, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là quá nặng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nhân thân tốt. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng với bị cáo là nặng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho bị cáo với mức giảm từ 06 (sáu) tháng tù đến 01 (một) năm tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo nói lời sau cùng: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo rất ăn năn hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với con, gia đình và trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 05/6/2018, tại đoạn đường liên thông giữa đường N và đường N1 thuộc khu phố A, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Vũ L đã thực hiện hành vi sử dụng dao là hung khí nguy hiểm đe dọa bị hại Phan Kim N, làm cho bị hại không thể chống cự nhằm chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô, 01 điện thoại di động và 01 mắt kính của bị hại. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trị giá 34.350.000 (ba mươi bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tinh thần, quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã trả lại tài sản cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện ở việc bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội xuất phát từ điều kiện hoàn cảnh khó khăn, không có tính chất thường xuyên. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là nặng, chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Kháng cáo của bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và mức đề nghị giảm là phù hợp.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Vũ L. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 214/2018/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã B về hình phạt.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ L 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/7/2018.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 98; khoản 1 và khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Vũ L không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí, về xử lý vật chứng không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|-------------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Phòng PV 06 - CA tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND thị xã B; | 2 |
| - VKSND thị xã B; | 1 |
| - Chi cục THADS thị xã B; | 1 |
| - CQCSĐT CA thị xã B; | 1 |
| - Bị cáo; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Tổ Hành chính Tư pháp; | 2 |
| - Lưu hồ sơ vụ án. | 1 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Huy Toàn